TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN UH-TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2020/QĐST-DS	*Ứng Hoà, ngày 28 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ T1ẬN CỦA CÁC Đ- ƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thoả T1ận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 19/2020/TLST-KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả T1ận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả T1ận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T1ận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả T1ận của các đ□ơng sự:

*** Nguyên đơn**: Ngân hàng A.

(sau đây viết tắt là: A)

Trụ sở: Số 22 NQ, phường TT, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Phạm Thị N - Chức vụ: Chuyên gia tố tụng – Phòng Quản lý khách hàng cá nhân Miền Bắc – Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản A. (*Theo giấy ủy quyền số 12033/UQ-PVB ngày 04/9/2019 và số 7982/UQ-PVB ngày 07/5/2020*).

*** Bị đơn đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**:

+/ Anh Nguyễn Hà T, sinh năm 1986;

+/ Chị Trần Thanh H, sinh năm 1987;

Đều có nơi ĐKHKTT: thôn ĐX, xã HN, huyện UH, thành phố Hà Nội.

*** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+/ Ông Nguyễn Hà T, sinh năm 1952;

+/ Bà Trịnh Thị T1, sinh năm 1954;

+/ Cháu Nguyễn Hà L, sinh năm 2012 (con anh T chị H);

+/ Cháu Nguyễn Khánh N, sinh năm 2014 (con anh T chị H);

Đều có nơi ĐKHKTT: thôn ĐX, xã HN, huyện UH, thành phố Hà Nội.

(anh T, chị H là người đại diện theo pháp luật của cháu L và N; Ông T, anh T, chị

H đều ủy quyền cho bà T1 tham gia tố tụng tại Tòa).

2. Sự thoả T1ận của các đ□ơng sự cụ thể nh□ sau:

2.1. Bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Hà T chị Trần Thanh H xác nhận ngày 07/10/2016 vợ chồng anh có ký kết với ngân hàng A Hợp đồng cho vay số 906/2016/HĐTD/PVB-HB ngày 07/10/2016, số tiền vay: 1.480.000.000 đồng; mục đích vay: vay hoàn vốn mua bất động sản. Theo đó, cùng ngày vợ chồng anh T chị H đã nhận giải ngân khoản tiền 1.480.000.000 đồng từ ngân hàng A theo khế ước nhận nợ số 01/KUNN ngày 07/10/2016. Ngoài ra, trong Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ còn có các thỏa T1ận về lãi suất, thời hạn vay, ... và các thỏa T1ận khác. Anh T chị H xác nhận hiện còn nợ Ngân hàng A với số tiền tính đến hết ngày 13/7/2020 nh- sau :

+ Nợ gốc : 1.344.326.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 301.917.587 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 75.277.988 đồng.

Tổng: 1.721.521.575 đồng (*Một tỷ bảy trăm hai mươi mốt triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng*).

2.2. Các bên thoả T1ận về thời hạn, ph- ơng thức thanh toán nh- sau:

- Chậm nhất đến hết ngày 30/11/2020 vợ chồng anh T chị H phải thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền 1.721.521.575 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.344.326.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 301.917.587 đồng, nợ lãi quá hạn: 75.277.988 đồng (*tiền lãi tạm tính đến hết ngày 13/7/2020*).

- Toàn bộ số tiền khi vợ chồng anh T chị H thanh toán, Ngân hàng T1 vào nợ gốc tr- ớc.

- Trường hợp vợ chồng anh T chị H trả nợ theo đúng thỏa T1ận nêu trên thì Ngân hàng A sẽ xem xét giảm một phần tiền nợ lãi cho vợ chồng anh T chị H.

- Về lãi suất : Kể từ ngày 14/7/2020 bị đơn tiếp tục phải chịu lãi theo mức lãi suất các bên đã thoả T1ận trong hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ đã ký kết (*Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của Ngân hàng A)* trên số d- nợ gốc t- ơng ứng với thời gian chậm trả.

Nếu bị đơn không thực hiện theo đúng thỏa T1ận thanh toán nêu trên *(về thời gian và số tiền trả)* thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm T1 hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng A theo hợp đồng thế chấp, cụ thể: Quyền sử dụng thửa đất số 453, tờ bản đồ số 04, diện tích là 348,9 m^2 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thôn ĐX, xã HN, huyện UH, thành phố Hà Nội, GCNQSD đất số T 188716; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: 00830.QSDĐ/UH do Chủ tịch UBND huyện UH cấp ngày 18/11/2004 cho hộ ông Nguyễn Hà T, chuyển Nợng cho ông Nguyễn Hà T ngày 05/10/2016, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng Công chứng An Nhất Nam, số công chứng 4056.2016/HĐTC; quyển số 04

TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/10/2016, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/10/2016.

Tr- ờng hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ; Ngân hàng A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào T1ộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng anh T chị H để T1 hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án: Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.911.500 đồng; Chấp nhận sự tự nguyện của Bị đơn nộp cả 31.823.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; được giảm 50%, số tiền án phí dân sự sơ thẩm, Bị đơn còn phải nộp 23.867.000 đồng (*Hai mươi ba triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).*

Hoàn trả cho Ngân hàng A 28.640.000 *(Hai mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)* số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009576 ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện □ng Hoà.

3. Tr- ờng hợp quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả T1ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện □ng Hoà;
- Chi cục T.H.A DS huyện □ng Hoà;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

Tô Thanh Phong